TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2022/DS-PT
Ngày: 26-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Hà Thanh Hùng
Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc V, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983 theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2021 (Có mặt).

Cư trú tại: Khóm 8, thị t, huyện P, tỉnh C

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1988 (Có mặt).

2. Bà Lê Hồng N, sinh năm 1991 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Chí C: Luật sư Trần Hoàng P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2020, cùng các văn bản, tài liệu có tại hồ sơ, và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Văn K trình bày:

Vào ngày 17/6/2019 ông Trần Quốc V có cho ông Nguyễn Chí C vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (12%/tháng) và không thỏa thuận thời hạn trả, có làm biên nhận nợ do ông Nguyễn Chí C ký. Đến ngày 07/02/2020 (âm lịch), ông V tiếp tục cho ông C vay số tiền 150.000.000 đồng và thỏa thuận đến đầu tháng 3 năm 2020 (âm lịch) ông C sẽ trả cho ông V số tiền trên. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông C không trả lãi và vốn cho ông V. Ông V đã yêu cầu trả nhiều lần nhưng ông C vẫn không thực hiện.

Do quá trình vay tiền bà Lê Hồng N (vợ ông C) biết số nợ trên, và ông C vay tiền của ông V để sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình, nên ông V yêu cầu buộc ông C và bà N liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ 220.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Chí C trình bày: Ông không có vay tiền của ông V, nên biên nhận do ông V cung cấp không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Nay ông không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Hồng N trình bày: Ông Nguyễn Chí C không có vay tiền của ông V, bà và ông C là vợ chồng nhưng làm ăn kinh tế riêng, đối với số tiền lợi nhuận từ việc kinh doanh thì ông C sử dụng vào việc đóng hụi chung trong gia đình, chứ ông C không sử dụng cho mục đích riêng nào khác, nên trường hợp nếu ông C có nợ thì đó sẽ là nợ chung của bà và ông C. Do ông C không có vay nợ ông V, nên bà N và ông C không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông V.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V. Buộc ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N liên đới trả cho ông Trần Quốc V số tiền vốn vay còn nợ là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09-01-2022, ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N kháng cáo: Đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả 220.000.000 đồng, với các căn cứ:

Thứ nhất, đối với chữ ký trong 02 biên nhận ngày 17-6-2019 (Bút lục số 07, ký hiệu A1); biên nhận ngày 07-02-2020 (Bút lục số 06, ký hiệu A2) đã được xác định: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký có phải do cùng một người ký ra hay không.

Thứ hai, chữ viết trong 02 biên nhận ngày 17-6-2019 (Bút lục số 07, ký hiệu A1); biên nhận ngày 07-2-2020 (Bút lục số 06, ký hiệu A2), so với các tài liệu gửi đi giám định, mặc dù kết luận là cùng một người viết ra, nhưng các tài liệu gửi đi làm mẫu là do nguyên đơn cung cấp (chứ không phải bị đơn cung cấp), điều này vi phạm Điều 95, Điều 109 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thứ ba: Bị đơn cho rằng về khách quan, năm 2019 - 2020 ông C có nguồn thu nhập ổn định, có cho nhiều hộ dân mượn tiền ông C, thì ông C, bà N không thể vay mượn tiền của ông V.

Thứ tư: Bà N không cùng ông C vay tiền, nhưng án sơ thẩm xác định nợ trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc bà N cùng liên đới trả số tiền 220.000.000 đồng là không đúng đối tượng bị kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo: Ông C, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, căn cứ kháng cáo đã nêu trong đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông C tranh luận:

Chữ viết trong các tờ giấy tập học sinh đều không phải do ông C cung cấp, cũng không xác định được là do ai viết nên kết luận giám định xác định chữ viết trên biên nhận và chữ viết trên giấy tập học sinh là do cùng một người viết ra, nhưng cũng chưa kết luận được có phải do ông ông C viết ra. Đồng thời, kết luận giám định cũng khẳng định không đủ cơ sở kết luận chữ ký có phải do cùng một người ký ra hay không nên biên nhận ngày 17/6/2019 và ngày 07/02/2020 không phải do ông C ký nhận. Đồng thời, việc thu thập mẫu đưa đi giám định do nguyên đơn cung cấp tài liệu là có vi phạm tố tụng.

Bên cạnh đó, ông V cho rằng bà N có quan hệ hôn nhân với ông C, nên yêu cầu bà N liên đới trả nợ là không có căn cứ. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, bà N; sửa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V. Nếu không sửa án được thì đề nghị hủy án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Do người kháng cáo không chứng minh được cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Trần Quốc V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N trả số tiền vay, nợ gốc 220.000.000 đồng (theo 02 biên nhận vay tiền, ngày 17/6/2019 vay 70.000.000 đồng, Bút lục 07 và ngày 07/02/2020, vay 150.000.000 đồng, Bút lục 06). Đối với bị đơn là ông C và bà N cho rằng, ông bà không có vay tiền ông V, nên không chấp nhận trả. Đồng thời, ông C có yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với 02 biên nhận vay tiền nêu trên xem có phải là chữ ký và chữ viết của ông hay không.

[3] Tại kết luận giám định số: 84/GĐ-PC09 ngày 21/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận: Chữ viết trên 02 biên nhận ngày 17/6/2019 và 07/02/2020 (âm lịch) so với chữ viết trên tài liệu gửi đi giám định ***là đều do một người viết ra (tức chữ viết của ông Nguyễn Chí C)***. Từ căn cứ đó, án sơ thẩm tuyên xử buộc ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N trả cho ông Trần Quốc V số tiền 220.000.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N cho rằng ông C không có vay tiền của ông V theo 02 Biên nhận, và cho rằng cấp sơ thẩm thu mẫu tài liệu đưa đi giám định (do nguyên đơn) nộp là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[4.1] Vào ngày 19-06-2020 ông Nguyễn Chí C viết đơn yêu cầu giám định (Bút lục 31); ông C cùng nộp các tài liệu kèm theo cho Tòa án để làm mẫu so sánh, và Tòa án cấp sơ thẩm có lập biên bản giao nhận tài liệu ngày 19-6-2020 (Bút lục 32), ông C có ký và ghi họ tên vào biên bản giao nhận tài liệu, tài liệu giao nộp, gồm: Đơn yêu cầu giám định chữ ký lập ngày 19-6-2020 (Bút lục 31); Giấy nộp tiền vào Ngân hàng nhượng bán séc, lập ngày 20-7-2017 (Bản chính Bút lục 29); Hợp đồng kinh tế lập ngày 01-01-2009 (bản chính Bút lục 28); Giấy chứng nhận kết hôn bản chính ngày 09-3-2009 (Bút lục 26).

[4.2] Tiếp đến vào ngày 05-02-2021, Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành làm việc với ông Nguyễn Chí C, ông C đồng ý dùng mẫu chữ ký của ông tại 04 tài liệu như đã nộp cho Tòa án vào ngày 19-6-2020 để giám định, ngoài ra ông C còn cung cấp thêm mẫu: Giấy nộp tiền vào ngân sách ngày 03-9-2009 (Bút lục 30); Biên bản tống đạt ngày 14-6-2020 của Văn phòng thừa phát lại Cà Mau (Bút lục 22) là chữ ký và chữ viết do ông C tự viết và ký ra dùng để làm mẫu giám định.

[4.3] Ngày 22/02/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định trưng cầu giám định và ngày 21-3-2021 Phòng kỹ thuật hình sự kết luận nêu rõ: **Chữ viết** trên 02 biên nhận ngày 17/6/2019 và 07/02/2020 (âm lịch), mẫu chữ trên *"Giấy đề nghị Ngân hàng nhượng bán séc"* ngày 20/7/2017 (Bút lục 29) và chữ viết họ và tên Nguyễn Chí C tại *"Giấy chứng nhận kết hôn"* ngày 09/3/2009 (Bút lục 26), *biên*

bản tống đạt ngày 14-6-2020 của Văn phòng thừa phát lại Cà Mau (Bút lục 22) đều do ***cùng một người viết ra.*** Còn đối với ***chữ ký*** trong 02 biên nhận vay tiền ngày 17-6-2019 (Bút lục 07) và biên nhận ngày 07-2-2020 (Bút lục 06) được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định: ***Không đủ cơ sở kết luận chữ ký có phải do cùng một người ký ra hay không.***

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C không đồng ý với Kết luận số: 84/GĐ-PC09 ngày 21-3-2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cà Mau, ông có đề nghị Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định lại, nhưng đến ngày 08-11-2021 ông C có ý kiến xác định không tiếp tục yêu cầu giám định lại, và chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đúng theo luật định. Về các tài liệu đưa đi giám định như đã liệt kê nêu trên, đều được bị đơn là ông Nguyễn Chí C cung cấp để làm cơ sở mẫu so sánh khi tiến hành giám định, vì vậy cần khẳng định, về trình tự thủ tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 96, Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, việc bị đơn và vị Luật sư bảo vệ ông C cho rằng thủ tục lấy mẫu chữ ký, chữ viết không đúng thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Tuy nhiên, xét nội dung biên nhận vay 150.000.000 đồng vào ngày 07-02-2020, ông C viết: *Tôi hứa với ông V là cuối tháng 02 và đầu tháng 3 âm lịch tôi sẽ trả cho ông V đúng 150.000.000 đồng. Nếu không có, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm".* Từ biên nhận này cho thấy vào ngày 17-6-2019 ông C vay của ông V, nhưng không có tiền trả và ông C tiếp tục vay, khi ông C viết biên nhận ngày 07-02-2020 là có việc nhập chung các khoản nợ trước sau vào một biên nhận cuối, nên các bên đã chốt tổng số nợ là 150.000.000 đồng, và ông C cũng cam kết trả đúng 150.000.000 đồng cho ông V. Còn đối với ông C không thừa nhận cả 02 biên nhận nợ là không phù hợp. Như vậy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kiện bị đơn buộc trả đối với khoản nợ 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[7] Từ cơ sở trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm, buộc ông C và bà N cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 150.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân (được bà N xác định từ cấp sơ thẩm nếu nợ của ông C cũng là nợ chung của bà) là có căn cứ, phù hợp với Điều Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Đối với Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông C đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông C, tuy nhiên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần là phù hợp.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Bản án sơ thẩm tuyên xử buộc ông C, bà N phải chịu 5.060.000 đồng (đã nộp xong) là phù hợp với quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[11] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận một phần, nên ông V phải chịu án phí trên số tiền 70.000.000 đồng không được chấp nhận và ông C phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông V 150.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông C và bà N không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N. Sửa Bản án sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc V. Buộc ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N liên đới trả cho ông Trần Quốc V số tiền vốn vay còn nợ là 150.000.000 *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N phải chịu 5.060.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự:

- *Án phí sơ thẩm:* Ông Nguyễn Chí C và bà Lê Hồng N phải chịu 7.500.000 đồng (chưa nộp). Ông Trần Quốc V phải chịu 3.500.000 đồng, đã dự nộp số tiền 5.500.000 đồng theo biên lai số: 0011517 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được nhận lại 2.000.000 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông C và bà N không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai 0017471 ngày 10-01-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út